

Số: /SXD-VP

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

V/v thực hiện thủ tục hành chính  
theo cơ chế “Luồng xanh”

Kính gửi:

- Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên;
- Ủy ban nhân dân các Phường/Xã.

Thực hiện Văn bản số 6787/UBND-TTPVHCC ngày 10/12/2025 và Thông báo số 647/UBND-TTPVHCC của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên,

Sở Xây dựng thông báo Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Xây dựng thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh” trên địa bàn tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có ý kiến tham gia, đề xuất điều chỉnh, bổ sung TTHC đang triển khai “Luồng xanh” để phù hợp với quy định hiện hành gửi về Sở Xây dựng tổng hợp, nghiên cứu tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng chỉ đạo bộ phận chuyên môn nghiêm túc thực hiện bảo đảm đúng thời gian, tiến độ theo yêu cầu. Bộ phận một cửa các cấp có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tuần số liệu TTHC thực hiện “Luồng xanh” theo chỉ đạo của UBND nhân tỉnh/.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Bộ Xây dựng (B/c);
- UBND tỉnh Thái Nguyên (B/c);
- Sở Khoa học và CN; Sở Tài chính;
- VNPT Thái Nguyên (phối hợp thực hiện);
- GD và các PGD;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- Lưu: VT, VP.hiendt.soxd

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quang Anh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ “LUỒNG XANH ”**  
**THUỘC THẨM QUYỀN QLNN CỦA SỞ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Văn bản số /SXD-VP ngày /01/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 30 TTHC**

**I. DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN “LUỒNG XANH 60%”: 30 TTHC**

| STT | Tên TTHC  | Mã TTHC                | Thời gian thực hiện                                     |   | Cơ quan thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|---|---|-------------------|-----------------------|---------|
|     |   |                        | Thời gian thực hiện theo QĐ                             | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                    |                   |                       |         |
| 1   | Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.                              | 1.001046.000.00.00.H55 | 07 ngày làm việc  | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Sở Xây dựng       | UBND tỉnh             |         |
| 2   | Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.                                | 1.001061.000.00.00.H55 | 07 ngày làm việc  | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Sở Xây dựng       | UBND tỉnh             |         |
| 3   | Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt (theo phân cấp).                                  | 1.004691.000.00.00.H55 | 10 Ngày   | Không quá 4 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Sở Xây dựng       | UBND tỉnh             |         |
| 4   | Cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt (theo phân cấp).  | 1.004685.000.00.00.H55 | 10 Ngày   | Không quá 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | UBND tỉnh             |         |
| 5   | Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt (theo phân cấp).                      | 1.004685.000.00.00.H55 | 05 Ngày làm việc  | Không quá 2 ngày làm việc                           | Sở Xây dựng       | UBND tỉnh             |         |
| 6   | Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh | 1.009788.000.00.00.H55 | 10 ngày kể từ này tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an | Không quá 4 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |

| STT | Tên TTHC   | Mã TTHC                | Thời gian thực hiện  |  | Cơ quan thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|--|--|-------------------|-----------------------|---------|
|     |  |                        | Thời gian thực hiện theo QĐ  | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                   |                   |                       |         |
|     |  |                        | toàn công trình  |  |                   |                       |         |
| 7   | Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ).   | 1.009791.000.00.00.H55 | 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình  | Không quá 4 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 8   | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động).  | 1.011705.H55           | 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) | Không quá 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 9   | Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí | 1.011711.H55           | 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) | Không quá 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |

| STT | Tên TTHC   | Mã TTHC      | Thời gian thực hiện                             |  | Cơ quan thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú |
|-----|--|--------------|---|--|-------------------|-----------------------|---------|
|     |  |              | Thời gian thực hiện theo QĐ                     | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                   |                   |                       |         |
|     | nghiệm chuyên ngành xây dựng).   |              |   |  |                   |                       |         |
| 10  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng). | 1.011708.H55 | 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Không quá 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 11  | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp).                              | 1.011710.H55 | 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Không quá 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 12  | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện  | 1.012905.H55 | 15 ngày   | Không quá 6 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 13  | Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự  | 1.012903.H55 | 15 ngày   | Không quá 6 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |

| STT | Tên TTHC  | Mã TTHC                | Thời gian thực hiện         |  | Cơ quan thực hiện        | Cơ quan có thẩm quyền    | Ghi chú              |
|-----|---|------------------------|-----------------------------|--|--------------------------|--------------------------|----------------------|
|     |   |                        | Thời gian thực hiện theo QĐ | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                   |                          |                          |                      |
|     | án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở.   |                        |                             |  |                          |                          |                      |
| 14  | Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc.   | 1.013276.H55           | 07 ngày làm việc            | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng              | Sở Xây dựng              |                      |
| 15  | Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch.  | 1.013277.H55           | 07 ngày làm việc            | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng              | Sở Xây dựng              |                      |
| 16  | Chấp thuận vị trí đầu nối tam vào đường bộ đang khai thác   | 1.000314.H55           | 07 ngày làm việc            | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng              | Sở Xây dựng              | Thủ tục chung 02 cấp |
| 17  | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác  | 1.013061.H55           | 07 ngày làm việc            | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng, UBND cấp xã | Sở Xây dựng, UBND cấp xã | Thủ tục chung 02 cấp |
| 18  | Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác. | 1.002798.000.00.00.H55 | 15 ngày làm việc            | Không quá 4 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng              | Sở Xây dựng              |                      |
| 19  | Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội  | 1.009445.000.00.00.H55 | 5 ngày làm việc             | Không quá 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng              | Sở Xây dựng              |                      |

| STT | Tên TTHC  | Mã TTHC      | Thời gian thực hiện         |  | Cơ quan thực hiện  | Cơ quan có thẩm quyền  | Ghi chú |
|-----|---|--------------|-----------------------------|--|--|--|---------|
|     |   |              | Thời gian thực hiện theo QĐ | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                   |  |  |         |
|     | địa.  |              |                             |  |  |  |         |
| 20  | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).              | 1.013236.H55 | 20 ngày                     | Không quá 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN(theo phân cấp, quyền của UBND cấp tỉnh)     | Sở Xây dựng  |         |
| 21  | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án). | 1.013238.H55 | 20 ngày                     | Không quá 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh) | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh) |         |
| 22  | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn  | 1.013230.H55 | 20 ngày                     | Không quá 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của                | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của                |         |

| STT | Tên TTHC   | Mã TTHC      | Thời gian thực hiện         |  | Cơ quan thực hiện  | Cơ quan có thẩm quyền  | Ghi chú |
|-----|--|--------------|-----------------------------|--|--|--|---------|
|     |  |              | Thời gian thực hiện theo QĐ | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                   |  |  |         |
|     | giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án.  |              |                             |  | UBND cấp tỉnh)   | UBND cấp tỉnh)   |         |
| 23  | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án). | 1.013231.H55 | 20 ngày                     | Không quá 8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh) | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh) |         |
| 24  | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).        | 1.013233.H55 | 05 ngày làm việc            | Không quá 2 ngày làm việc                          | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh) | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh) |         |
| 25  | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I,   | 1.013230.H55 | 20 ngày                     | Không quá 8 ngày kể từ ngày                        | Sở Xây dựng, Ban quản lý   | Sở Xây dựng, Ban quản lý   |         |

| STT | Tên TTHC  | Mã TTHC      | Thời gian thực hiện  |  | Cơ quan thực hiện  | Cơ quan có thẩm quyền  | Ghi chú |
|-----|---|--------------|--|--|--|--|---------|
|     |   |              | Thời gian thực hiện theo QĐ  | Thời gian thực hiện sau cắt giảm   |  |  |         |
|     | cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án. |              |  | nhận được hồ sơ hợp lệ   | KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh)  | KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh)  |         |
| 26  | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/<br>Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.   | 1.013239.H55 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án nhóm A: Không quá 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Dự án nhóm B: Không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Dự án nhóm C: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án nhóm A: Không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Dự án nhóm B: Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Dự án nhóm C: Không quá 6 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</li> </ul>       | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh), Sở Công thương, Sở Nông nghiệp | Sở Xây dựng, Ban quản lý KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh), Sở Công thương, Sở Nông nghiệp |         |
| 27  | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.   | 1.013234.H55 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;</li> <li>Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III;</li> <li>Không quá 20 ngày đối với công trình</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 16 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;</li> <li>- Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với công trình cấp II và cấp III;</li> <li>- Không quá 8 ngày kể từ</li> </ul> | Sở Xây dựng, Ban quản lý: KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Sở Công thương, Sở             | Sở Xây dựng, Ban quản lý: KCN (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Sở Công thương, Sở Nông        |         |

| STT | Tên TTHC   | Mã TTHC       | Thời gian thực hiện                                     |   | Cơ quan thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú |
|-----|--|---------------|---|---|-------------------|-----------------------|---------|
|     |  |               | Thời gian thực hiện theo QĐ                             | Thời gian thực hiện sau cắt giảm                        |                   |                       |         |
|     |  |               | còn lại   | ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với công trình còn lại; | Nông nghiệp       | nghiệp                |         |
| 28  | Chấp thuận đề nghị đấu nối vào đường tỉnh  | 1.014.411.H55 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 29  | Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị và đường khác do Sở Xây dựng quản lý | 1014412.H55   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |
| 30  | Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị và đường khác do Sở Xây dựng quản lý   | 1014413.H55   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Xây dựng       | Sở Xây dựng           |         |

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 09 TTHC

### I. DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN “LUỒNG XANH 60% GIỜ”: 09 TTHC

| STT | Tên TTHC  | Mã TTHC                | Thời gian thực hiện | Thời gian sau cắt giảm                             | Cơ quan Thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|---------------------|--|-------------------|-----------------------|---------|
| 1   | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.   | 1.009452.000.00.00.H55 | 5 ngày làm việc     | Không quá 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |         |
| 2   | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính. | 1.009453.000.00.00.H55 | 5 ngày làm việc     | Không quá 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |         |

| STT | Tên TTHC  | Mã TTHC      | Thời gian thực hiện   | Thời gian sau cắt giảm  | Cơ quan Thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú |
|-----|---|--------------|---|---|-------------------|-----------------------|---------|
| 3   | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.               | 1.013225.H55 | 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 08 ngày đối với công trình và 06 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |         |
| 4   | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 1.013229.H55 | 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 08 ngày đối với công trình và 06 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |         |
| 5   | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                     | 1.013232.H55 | 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 08 ngày đối với công trình và 06 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |         |
| 6   | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình  | 1.013226.H55 | 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể                               | 08 ngày đối với công trình và 06 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp     | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |         |

| STT | Tên TTHC   | Mã TTHC      | Thời gian thực hiện           | Thời gian sau cắt giảm                             | Cơ quan Thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Ghi chú                   |
|-----|--|--------------|-------------------------------|--|-------------------|-----------------------|---------------------------|
|     | Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.  |              | từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | lệ.  |                   |                       |                           |
| 7   | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 1.013228.H55 | 05 Ngày làm việc              | 05 ngày  | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           |                           |
| 8   | Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác  | 1.000314.H55 | 07 ngày làm việc              | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           | Thủ tục dùng chung 02 cấp |
| 9   | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác   | 1.013061.H55 | 07 ngày làm việc              | Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | UBND cấp xã       | UBND cấp xã           | Thủ tục dùng chung 02 cấp |